

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AFT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AFT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AFT TRADING & PRODUCTION JOIN STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AFT JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110790720

3. Ngày thành lập: 22/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Thanh Trì, Xã Minh Phú, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903422611

Fax:

Email: namhnhv@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
2.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
3.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
4.	Đại lý du lịch	7911
5.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng - Sản xuất vi chất dinh dưỡng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng - Sản xuất phụ gia thực phẩm	1079
8.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
9.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: - Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt - Chế biến và bảo quản thịt - Giết mổ gia súc, gia cầm	1010

10.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: - Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản - Chế biến và bảo quản nước mắm - Chế biến và bảo quản thủy sản khô - Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh	1020
11.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
12.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
13.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
14.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
15.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
16.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
17.	Sản xuất đường	1072
18.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
19.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
20.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
21.	Sản xuất chè	1076
22.	Sản xuất cà phê	1077
23.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
24.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp Chi tiết: Sản xuất nông nghiệp hữu cơ	0150
25.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
26.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
27.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
28.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
29.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
30.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
31.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
32.	Chăn nuôi gia cầm	0146
33.	Khai thác thủy sản biển	0311
34.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
35.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
36.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
37.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
39.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết - Bán buôn vật tư, công cụ nông lâm ngư nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y)	4669

40.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
41.	Trồng lúa	0111
42.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
43.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
44.	Trồng cây mía	0114
45.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
46.	Trồng cây lấy sợi	0116
47.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
48.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
49.	Trồng cây hàng năm khác	0119
50.	Trồng cây ăn quả	0121
51.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
52.	Trồng cây điều	0123
53.	Trồng cây hồ tiêu	0124
54.	Trồng cây cao su	0125
55.	Trồng cây cà phê	0126
56.	Trồng cây chè	0127
57.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
58.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
60.	Bán buôn tổng hợp	4690
61.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
62.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4789
63.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trong siêu thị, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác)	4719
64.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
65.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610

66.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
67.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh) - Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh - Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
68.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
69.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng - Cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp (trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)	5629(Chính)
70.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ vật tư, công cụ nông lâm ngư nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y) - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu).	4773
71.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
72.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933

73.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
74.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
75.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
76.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
77.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
78.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG NGỌC NAM	Phòng 1403, tòa nhà Vạn Xuân, số 71 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	15,000	0370500000 09	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	15,000		

2	NGUYỄN THANH HÀ	P202 – C2, phố Lương Định Của, TT Kim Liên, , Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	15,000	001063005174
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	15,000	
3	NGUYỄN THỊ NHÃ	Phòng 1403, tòa nhà Vạn Xuân, số 71 phố Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	140.000	1.400.000.000	70,000	001155002958
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	140.000	1.400.000.000	70,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 22/02/1950

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037050000009

Ngày cấp: 26/01/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Phòng 1403, tòa nhà Vạn Xuân, số 71 Nguyễn Chí Thanh, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1403, tòa nhà Vạn Xuân, số 71 Nguyễn Chí Thanh, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/03/1955

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001155002958

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Phòng 1403, tòa nhà Vạn Xuân, số 71 phố Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1403, tòa nhà Vạn Xuân, số 71 phố Nguyễn Chí Thanh, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội